TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:38/2023/DS-PT
Ngày 26/4/ 2023
"V/v tranh chấp thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Bích Ngọc.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh và bà Nguyễn Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên toà:Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 và 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 90/2022/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2022.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu hành chính 13, phường L, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L; địa chỉ: Số 32A, đường N, phường L, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (theo giấy ủy quyền ngày 09/4/2018) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị Ph, sinh năm 1965; địa chỉ: Khu 14, đường L, phường L, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Văn phòng công chứng R; địa chỉ: Số 105 B/14, quốc lộ 1K, khu phố N, phường B, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Nay là Văn phòng công chứng L; địa chỉ: Số 444 Quốc lộ 1K, khu phố N, phường B, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình T – Trưởng Văn phòng (vắng mặt).

3.2. Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1963; địa chỉ: Chùa Đức Hòa, ấp V, phường B, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Người giám hộ cho ông Q: Bà Lê Thị H, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu

hành chính 13, phường L, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn L; địa chỉ: Số 32A, đường N, phường L, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (theo giấy ủy quyền ngày 09/4/2018) (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Hoàng Thị Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày *30/11/2015 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị H và người đại diện theo ủy quyền của bà H là ông Trần Văn L trình bày:*Bố mẹ chồng của bà H là cụ Hoàng Văn T và cụ Trần Thị G. Cụ T và cụ G sinh được 02 người con là ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1962 (chồng bà H) và bà Hoàng Thị Ph. Cụ Hoàng Văn T chết năm 1967, cụ Trần Thị G chết ngày 21/3/2013. Di sản của cụ Trần Thị G để lại là thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, ở khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, diện tích 270,4m^2 (Thửa đất số 94), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BH 032241 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị G.

Trước khi chết, ngày 19/3/2012, cụ Trần Thị G có lập di chúc tại Văn phòng công chứng R, có địa chỉ tại 105B/14 Quốc lộ 1K, KB Nội Hóa 2, phường Bình An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Nội dung di chúc thể hiện: Sau khi cụ G qua đời, cụ G để lại tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất thửa đất số 94 cho bà Lê Thị H. Ngoài ra, cụ G không để lại di sản thừa kế nêu trên cho bất kỳ ai khác.

Hiện tại thửa đất số 94 do bà Ph quản lý. Nguồn gốc thửa đất là của cụ G mua riêng sau khi cụ T chết khoảng hơn chục năm. Nay bà H đề nghị Tòa án công nhận di chúc lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng công chứng R là hợp pháp và chia di sản thừa kế của cụ G theo nội dung di chúc của cụ G. Ngoài ra, trên đất có một ngôi nhà đoàn kết do Hợp tác xã xây cho cụ G khi còn sống khoảng năm 2009 và có 02 gian nhà bếp do vợ chồng bà H xây năm 1995 cho cụ G và một số tài sản khác cũng như các cây cối trên đất bao gồm: 01 tường bao loan, cổng đã cũ, giếng, cây chuối, cây dâu, cây mít, cây xoan, cây na, cây xoài. Trong quá trình làm việc nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hoàng Thị Ph trình bày: Bà là con đẻ của cụ Hoàng Văn T và cụ Trần Thị G. Cụ T chết năm 1967, cụ G chết ngày 21/3/2013. Cụ G và cụ T sinh được 02 người con là ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1962 (chồng bà H) và bà. Khi cụ G chết có để lại tài sản là thửa đất số 94 có nguồn gốc do cụ G mua của bà Cầm ở phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, mua sau khi cụ T chết được khoảng hơn chục năm và tạo dựng thửa đất đó.

Trước khi chết, ngày 26/4/2006 cụ G đã lập di chúc để lại cho bà và ông Q được thừa kế thửa đất số 94 nêu trên; cụ thể: Ông Q được hưởng 3/4 thửa đất

bằng 200m^2, còn bà được hưởng 1/4 thửa đất bằng 70m^2 có các chiều tiếp giáp cụ thể và có những người làm chứng. Đến ngày 16/6/2008, bản di chúc này được Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên xác nhận. Cụ G sống trên thửa đất trên đến năm 2011 thì vào tỉnh Bình Dương sống cùng vợ chồng ông Q. Đến tháng 6/2012, bà đón cụ G về thành phố Vĩnh Yên sinh sống. Đến ngày 21/3/2013 cụ G qua đời. Nay bà H xuất trình bản di chúc của cụ G để lại toàn bộ thửa đất số 94 cho bà Lê Thị H là sai, vì cụ G già yếu lại không biết chữ nên không thể lập di chúc được. Tài sản của cụ G chết để lại ở thành phố Vĩnh Yên nên nơi lập di chúc phải là thành phố Vĩnh Yên là nơi có tài sản. Bản thân bà cũng được cụ G lập di chúc cho và có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên là nơi có thửa đất để lại. Nay bà H khởi kiện yêu cầu công nhận di chúc mà cụ G lập cho bà H là hợp pháp và đòi chia di sản thừa kế theo di chúc bà không đồng ý. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về ngôi nhà tình nghĩa hiện nay đã xuống cấp không còn sử dụng được và một số tài sản khác cũng như các cây cối trên đất bao gồm: 01 tường bao loan, 01 cổng đã cũ, 01 giếng, cây chuối, cây dâu, cây mít, cây xoan, cây na, 01 cây xoài là của cụ G xây dựng và trồng, không ai chăm sóc, cải tạo gì. Bà không có công sức đóng góp, cải tạo, trông coi và trồng các cây cối này. Vì vậy, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Hoàng Văn Q do người giám hộ cho ông Q, bà Lê Thị H (vợ ông Q) ủy quyền cho ông Trần Văn L trình bày: Bố đẻ ông Hoàng Văn Q là cụ Hoàng Văn T chết năm 1967 và mẹ đẻ là cụ Trần Thị G chết năm 2013, hai cụ sinh được hai người con là ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị Ph, khi còn sống cụ G đã tạo lập được khối tài sản như bà H, bà Ph đã xác nhận. Do ông Q bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, bà H là vợ ông Q là người giám hộ, bà H đề nghị Tòa án công nhận bản di chúc lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng công chứng R, tỉnh Bình Dương do cụ Trần Thị G lập là hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Văn phòng công chứng R trình bày: Ngày 19/3/2012, Văn phòng công chứng R đã chứng nhận bản di chúc của cụ Trần Thị G với nội dung đúng như văn bản công chứng số 002073 quyển số 01-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 19/3/2012. Tại thời điểm công chứng cụ Trần Thị G hoàn toàn minh mẫn, đủ năng lực hành vi dân sự. Trước đó, vào ngày 08/02/2012 sức khỏe tinh thần của cụ G được Bệnh viện đa khoa thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương chứng nhận đủ minh mẫn để lập di chúc. Cụ G hoàn toàn tự nguyện điểm chỉ vào bản di chúc và điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt người làm chứng là bà Lê Thị Thanh T, địa chỉ ở thôn 6, Gia Lâm, Lâm Hà, Lâm Đồng và trước mặt Công chứng viên Lê Văn Hải. Cụ G tuyên bố dự thảo nội dung di chúc trước mặt Công chứng viên và người làm chứng. Trên cơ sở đó Công chứng viên chuyển dự thảo này cho nhân viên đánh máy, nhân viên đánh máy hoàn tất toàn bộ nội dung

di chúc theo ý nguyện của cụ G, khi đó Công chứng viên đọc lại toàn bộ nội dung di chúc cho cụ G và người làm chứng nghe, nghe xong cụ G đồng ý với nội dung mà Công chứng viên đã đọc, đồng thời cụ G điểm chỉ vào bản di chúc này trước sự chứng kiến của Công chứng viên và người làm chứng. Văn phòng công chứng R xin vắng mặt tại các buổi làm việc, hòa giải và xét xử.

Người làm chứng, chị Lê Thị Thanh T trình bày: Chị không có quan hệ họ hàng, quen biết cụ Trần Thị G và bà Lê Thị H. Ngày 19/3/2012, chị có làm chứng cho việc cụ Trần Thị G lập di chúc để lại di sản thừa kế cho bà Lê Thị H. Việc lập di chúc đó tại Văn phòng công chứng R, tỉnh Bình Dương có địa chỉ số 105B/14 Quốc lộ 1K, khu phố N, phường B, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Việc lập di chúc có mặt cụ Trần Thị G, Công chứng viên Lê Văn Hải, một nhân viên Văn phòng công chứng (chị không biết tên) và chị. Tại Văn phòng công chứng R cụ Trần Thị G tuyên bố là sau khi cụ G qua đời, cụ G để lại toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94 tờ bản đồ số 51, địa chỉ thửa đất ở khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc có diện tích 270,4m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị G cho bà Lê Thị H, sinh năm 1963, trú tại 115A/5 tổ 5, khu A, khu phố N, phường B, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, cụ G không để lại di sản thừa kế nêu trên cho ai khác. Khi tuyên bố nội dung di chúc cụ G rất minh mẫn. Vì thấy cụ G không biết chữ nên sau khi lập di chúc xong, Công chứng viên đọc nội dung di chúc cho cụ G nghe thì cụ G tự nguyện lăn tay điểm chỉ vào di chúc này. Chị và cụ G khi ký và điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt Công chứng viên. Nội dung bản di chúc đúng với nội dung mà cụ G tuyên bố.

Người làm chứng, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là hàng xóm của cụ G, ngày 26/4/2006 cụ G có mời bà sang nhà và nhờ ghi hộ di chúc, vì cụ G nói cụ không biết chữ, thời điểm viết hộ di chúc có ông Phạm Như N và anh H. Sau đó cụ G có đọc cho bà H viết như sau: Cụ có 270m^2 đất, cụ cho con trai là anh Quý và chị Hiền 200m^2, chị Phương là con gái 70m^2, khi cụ G đọc cho bà viết, người cụ già yếu, nhưng cụ vẫn minh mẫn. Sau khi viết xong di chúc, bà có việc phải đi ngay, nhưng có đọc cho cụ G nghe và cụ tự điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt bà, cô Phương, ông Nguyên, sau đó mọi người ký vào bản di chúc. Còn việc xác nhận của Ủy ban vào di chúc ngày nào bà không nắm được.

Người làm chứng, anh Nguyễn Đức H và ông Phạm Như N trình bày không làm chứng và không ký vào bản di chúc của cụ G lập ngày 26/4/2006.

Tại bản án số: 01/2017/DS-ST ngày 30/3/2017 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã áp dụng các Điều 646, 648, 649, 652, 653, 657, 658, khoản 3 Điều 662 và khoản 5 Điều 667 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 37 của Luật công chứng năm 2006; các Điều 26, 147, khoản 2, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh

về án phí, lệ phí Toà án năm 2009, chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của bà Lê Thị H, xử:

1. Công nhận di chúc do cụ Trần Thị G lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng công chứng R, tỉnh Bình Dương, nội dung cho bà Lê Thị H được hưởng toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270,4m^2 ở khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị G là hợp pháp.

2. Buộc bà Hoàng Thị Ph phải trả lại thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270,4m^2 ở khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị G cho bà Lê Thị H. Thửa đất có các chiều, cạnh và kích thước như sau:

- Phía Đông giáp hộ bà Trần Thị Hoa, cạnh BC kích thước 12,28m;

- Phía Tây giáp đường ngõ, cạnh GH kích thước 1,06m; cạnh HI kích thước 4,34m;

- Phía Nam giáp đường ngõ, cạnh CD kích thước 15,27m; cạnh DE kích thước 4,45m; cạnh EF kích thước 3,76m; cạnh FG kích thước 1,75m;

- Phía Bắc giáp hộ bà Trần Thị Hoa, cạnh AB kích thước 10,12m và hộ bà Hoàng Thị Lan cạnh IK kích thước 1,02m; cạnh KM kích thước 16,75m; cạnh MA kích thước 6,37m (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

3. Tạm giao cho bà Lê Thị H quản lý các tài sản và cây cối lâm lộc trên đất bao gồm: 01 nhà cấp 4, 01 bếp, 01 tường bao loan, 01 cổng, 01 giếng, 18 cây chuối, 02 cây dâu, 02 cây mít, 02 cây xoan, 03 cây na, 01 cây xoài.

Bản án còn giải quyết về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/4/2017, bị đơn bà Hoàng Thị Ph kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị không công nhận bản di chúc cụ Trần Thị G lập ngày 19/3/2012; đề nghị hủy Bản án số: 01/2017/DS-ST ngày 30/3/2017 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 06/2018/DS-PT ngày 26/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 30/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại bản án số: 20/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên đã áp dụng: Áp dụng: Điều 26 và Điều 147, khoản 2, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 646, 648, 649, 652, 653, 657, Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 46, 53, 57, 58, 59, 644 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật công chứng

năm 2006; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của bà Lê Thị H, xử: Công nhận một phần di chúc do cụ Trần Thị G lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng công chứng R, tỉnh Bình Dương, chia cho bà Lê Thị H được hưởng 180,26m^2 đất trong thửa số 94, tờ bản đồ số 51, tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc cụ thể các chiều cạnh như sau:

- Phía giáp đường vào hộ bà Trần Thị Hoa, cạnh BC kích thước 12,28m;
- Phía giáp phần đất giao cho ông Hoàng Văn Q (do bà H là người giám hộ), cạch K᾽D᾽ kích thước 8,91m;
- Phía giáp đường ngõ, cạnh CD᾽ kích thước 14,29m;
- Phía hộ bà Trần Thị Hoa, cạnh AB kích thước 10,12m và hộ bà Hoàng Thị Lan cạnh MA kích thước 6,37m, cạnh K'M kích thước 5,59m (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

2. Chia cho ông Hoàng Văn Q (do bà Lê Thị H là người giám hộ) được hưởng 90,13m^2 đất trong thửa số 94 tờ bản đồ số 51, tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và giao cho bà H là người giám hộ của ông Q quản lý phần diện tích đất trên cụ thể các chiều cạnh sau:

- Phía giáp phần đất giao cho bà Lê Thị H, cạch K᾽D᾽ kích thước 8,91m;
- Phía giáp đường ngõ, cạnh D'D kích thước 0,98m; cạnh DE kích thước 4,45m; cạnh EF kích thước 3,76m; cạnh FG kích thước 1,75m; cạnh GH kích thước 1,06m; cạnh HI kích thước 4,34; (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

Giao cho bà Lê Thị H và ông Hoàng Văn Q (do bà H là người giám hộ của ông Q), quản lý và sử dụng tài sản, cây cối lâm lộc trên đất được giao.

3. Buộc bà Hoàng Thị Ph phải trả lại cho bà Lê Thị H và ông Hoàng Văn Q (do bà H là người giám hộ) thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270.4m^2 tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do UBND thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị G.

Bản án còn giải quyết về án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/12/2019, bị đơn bà Hoàng Thị Ph có đơn kháng cáo, đề nghị hủy bản án sơ thẩm số: 20/2019/DS-ST ngày 27/11/2019 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 39/2020/DS-PT ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hủy bản án dân sự sơ thẩm 20/2019/DS-ST ngày 27/11/2019

của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Áp dụng: Điều 26 và Điều 147, khoản 2, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 646, 648, 649, 652, 653, 657, Điều 658 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 46, 53, 57, 58, 59, 644 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 37 Luật công chứng năm 2006; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của bà Lê Thị H. Công nhận một phần di chúc do cụ Trần Thị G lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng công chứng R (nay là Văn phòng công chứng L), tỉnh Bình Dương, chia cho bà Lê Thị H được hưởng 180,27m^2 đất và toàn bộ tài sản, cây cối lâm lộc trên đất trong thửa số 94, tờ bản đồ số 51, tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, được xác định giới hạn bởi các mốc 1,2,3,4,12,13,1 theo bản vẽ sơ đồ hiện trạng ngày 07/3/2022 (có sơ đồ kèm theo).

2. Chia cho ông Hoàng Văn Q (do bà Lê Thị H là người giám hộ) được hưởng 90,13m^2 đất và toàn bộ tài sản cây cối lâm lộc trên đất trong thửa số 94 tờ bản đồ số 51, tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và giao cho bà H là người giám hộ của ông Q quản lý phần diện tích đất trên được xác định giới hạn bởi các mốc 4,5,6,7,8,9,10,11,12,4 theo bản vẽ sơ đồ hiện trạng ngày 07/3/2022 (có sơ đồ thửa đất kèm theo).

3. Buộc bà Hoàng Thị Ph phải trả lại cho bà Lê Thị H và ông Hoàng Văn Q (do bà H là người giám hộ) thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270.4m^2 tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do UBND thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị G.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2022 bị đơn bà Hoàng Thị Ph kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm xử di chúc ngày 26/4/2006 không có hiệu lực, bà là người con trực tiếp chăm sóc cụ G lúc ốm đau và quản lý, duy trì tài sản mà không được trích công sức đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, chia cho bị đơn một phần diện tích đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm là chia cho bị đơn 70m^2 theo di chúc ngày 26/4/2006 để làm nơi thờ cúng tổ tiên và yêu cầu bà H thanh toán công sức cho bà 20m^2. Di chúc ngày 12/3/2012 không có hiệu lực vì khi lập di chúc cụ G không minh mẫn và tài sản thừa kế ở thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc nhưng di chúc lại được lập và công chứng ở tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bà H không đồng ý chia cho bà Ph 70m^2, nhưng đồng ý thanh toán công sức cho bà Ph bằng trị giá là 250.000.000đ. Bà Ph đồng ý việc thanh toán công sức với trị giá là 250.000.000đ nhưng vẫn đề nghị chia cho bà 70m^2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Ph. Cụ thể: Buộc bà Lê Thị H có nghĩa vụ thanh toán công sức duy trì tài sản cho bà Hoàng Thị Ph là 250.000.000đ. Chia tài sản thừa kế của cụ Trần Thị G là thửa đất số 94 cho bà H và ông Q như bản án sơ thẩm đã chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Hoàng Thị Ph trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cụ Trần Thị G và cụ Hoàng Văn T có 02 người con là ông Hoàng Văn Q và bà Hoàng Thị Ph. Năm 1967 cụ T chết. Sau khi cụ T chết cụ G tạo lập được thửa đất số 94. Ngày 12/12/2011, cụ G đã được Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất số 94 là tài sản riêng của cụ G là có căn cứ. Ngày 21/3/2013, cụ G chết, di sản của cụ G để lại là thửa đất số 94. Trước khi chết, cụ Trần Thị G có lập 02 di chúc gồm: Di chúc ngày 26/4/2006 và di chúc ngày 19/3/2012.

[2.1] Di chúc ngày 26/4/2006 thể hiện nội dung: Cụ G để lại cho ông Hoàng Văn Q được hưởng ¾ lô đất bằng 200m^2 và để lại cho bà Hoàng Thị Ph được hưởng ¼ lô đất bằng 70m^2. Bản di chúc này do bà Nguyễn Thị H ghi hộ tại nhà cụ G. Bản di chúc có điểm chỉ của người lập di chúc là cụ G, ở phía dưới di chúc thể hiện về việc cam kết của người viết hộ bà Nguyễn Thị H chứng nhận những lời cụ G đọc cho bà Hảo viết là đúng sự thực, không ghi thêm bớt gì. Đồng thời thể hiện có người chứng kiến về việc cụ G đọc cho bà Hảo viết di chúc là đúng của ông Nguyễn Đức Hùng và ông Phạm Như Nguyên. Đến ngày 13/6/2008 Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo xác nhận bản di chúc của cụ Trần Thị G nhưng khi xác nhận lại ghi được lập tại phường Liên Bảo, điểm chỉ xác

nhận tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo ngày 13/6/2008, ngày 16/6/2008 di chúc được Ủy ban nhân dân phường Liên Bảo chứng thực. Quá trình thu thập chứng cứ tại cấp sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H là người viết bản di chúc thừa nhận ngày 26/4/2006 cụ G có mời bà sang nhà và nhờ ghi hộ di chúc vì cụ G không biết chữ, thời điểm viết hộ di chúc có ông Phạm Như Nguyên và anh Hùng. Sau khi viết xong di chúc, bà Hảo có việc phải đi, nhưng có đọc cho cụ G nghe và cụ tự điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt bà Hảo, bà Ph, ông Nguyên, sau đó mọi người ký vào bản di chúc. Tuy nhiên, lời khai của những người làm chứng là anh Nguyễn Đức Hùng và ông Phạm Như Nguyên có sự mâu thuẫn với lời khai của bà Hảo. Anh Hùng, ông Nguyên xác định không làm chứng và không ký vào bản di chúc của cụ G lập ngày 26/4/2006.

[2.2]. Di chúc ngày lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng công chứng R, tỉnh Bình Dương (nay là Văn phòng công chứng L) thể hiện nội dung: Cụ G để lại tài sản là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 94 cho bà Lê Thị H ngoài ra không để lại di sản thừa kế nêu trên cho bất kỳ ai khác. Người làm chứng cho việc lập di chúc là chị Lê Thị Thanh T. Bà H cho rằng di chúc này là không hợp pháp vì khi lập di chúc cụ G không minh mẫn. Mặt khác, tài sản thừa kế ở Vĩnh yên, Vĩnh Phúc nhưng nơi lập di chúc và công chứng di chúc lại ở tỉnh Bình Dương. Hội đồng xét xử thấy rằng: Thời điểm lập di chúc là năm 2012 nên Luật công chứng năm 2006 và Bộ luật dân sự năm 2005 đang có hiệu lực.

Điều 37 Luật công chứng năm 2006 quy định:

"1. Công chứng viên của tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền công chứng các hợp đồng, giao dịch về bất động sản trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ chức hành nghề công chứng đặt trụ sở, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công chứng viên của các tổ chức hành nghề công chứng có thẩm quyền công chứng di chúc, văn bản từ chối nhận di sản là bất động sản."

Với quy định trên Văn phòng công chứng R nay là Văn phòng công chứng L công chứng di chúc của cụ G lập ngày 19/3/2012 là đúng quy định của pháp luật.

Trong bản di chúc thể hiện khi lập di chúc cụ G trong trạng thái minh mẫn, sáng suốt. Cụ G là người không biết chữ nên tại thời điểm lập di chúc có chị Lê Thị Thanh T là người làm chứng và di chúc được Công chứng viên Lê Văn Hải công chứng di chúc.

Việc lập di chúc của cụ G làm đúng theo trình tự thủ tục quy định tại Điều 652, khoản 1 khoản 2 Điều 658 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo Điều 662 Bộ luật Dân sự 2005 quy định:

1.Người lập di chúc có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc đã lập vào bất cứ lúc nào.

…..

3. Trong trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị hủy bỏ.

Khoản 5 Điều 643 Bộ luật dân sự 2015 cũng quy định: "Khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực"

Căn cứ các quy định nêu trên, pháp luật không cấm việc một người lập nhiều di chúc cho nhiều phần tài sản. Trong trường hợp một tài sản được nhắc đến trong nhiều bản di chúc thì bản di chúc sau cùng sẽ được xem là có hiệu lực. Nên bản di chúc cụ G lập năm 2006 không có hiệu lực. Di chúc của cụ G lập tại Văn phòng công chứng R nay là Văn phòng công chứng L ngày 19/3/2012 là đúng quy định của pháp luật nên có có hiệu lực pháp luật. Như vậy, di chúc lập ngày 26/4/2006 được thay thế bằng di chúc lập ngày 19/3/2012 có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Do ông Q bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, nên bà H là vợ ông Q là người giám hộ cho ông Q. Theo quy định tại Điều 669 Bộ luật Dân sự 2005 về người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc thì ông Q là người bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên theo quy định của pháp luật được hưởng phần di sản bằng 2/3 suất thừa kế của một người thừa kế theo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông Q một phần tài sản. Do bà H là người giám hộ của ông Q nên giao cho bà H (vợ ông Q) quản lý phần di sản ông Q được hưởng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.4]. Đối với các tài sản trên đất như một ngôi nhà tình nghĩa, tường bao loan, cổng đã cũ hiện nay đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng và một số cây cối trên đất, quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm các đương sự không đề nghị thẩm định, định giá và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[2.5]. Bà Hoàng Thị Ph là con gái cụ G có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, mà đây là vụ án chia thừa kế theo di chúc lập ngày 19/3/2012 nên bà Ph không thuộc trường hợp được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ G.

[2.6]. Từ nhận định trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế theo di chúc ngày 19/3/2012 cho bà H và chia cho ông Q theo trường hợp ông Q bị mất năng lực hành vi dân sự là có căn cứ đúng pháp luật. Nên nội dung kháng cáo đề nghị được chia một phần tài sản thừa kế của bà Ph theo di chúc ngày 26/4/2006 không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về nội dung này là có căn cứ chấp nhận.

[2.7]. Về công sức giữ gìn, duy trì, quản lý tài sản thừa kế:

Tại thời điểm cụ G vào tỉnh Bình Dương sinh sống cùng vợ chồng ông Q và sau khi cụ G chết thì bà Ph có trông nom, quản lý toàn bộ tài sản, di sản của

cụ G. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bị đơn bà Ph có đề nghị trích công sức trong việc trông nom, quản lý, tôn tạo di sản thừa kế. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định: Bà Ph sinh sống và ở cùng gia đình chồng nên trong thời gian cụ G vào Bình Dương ở với vợ chồng ông Q, bà H và sau khi cụ G chết bà Ph không trực tiếp ở trên diện tích đất này, không cải tạo, trồng cây nên thửa đất bị bỏ hoang nhiều năm. Tại các phiên tòa sơ thẩm bà Ph cũng thừa nhận không có công sức đóng góp gì nên không đề nghị Tòa án trích công sức mà chỉ đề nghị Tòa án chia di sản của cụ G theo di chúc lập ngày 26/4/2006. Mặt khác, trong di chúc ngày 19/3/2012 không định đoạt về công sức của bà Ph nên Tòa án cấp sơ thẩm không trích công sức cho bà Ph là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ph vẫn đề nghị nguyên đơn thanh toán công sức là 20m^2 đất, đại diện nguyên đơn đồng ý thanh toán công sức cho bà Ph là 250.000.000đ và bà Ph cũng đồng ý với mức thanh toán công sức này. Trong di chúc không định đoạt về công sức duy trì tài sản nhưng yêu cầu này của bị đơn được nguyên đơn đồng ý. Đây là sự tự nguyện của các bên đương sự và là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, nên sự tự nguyện về công sức này cần được chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về công sức có căn cứ. Cần sửa bản án sơ thẩm buộc bà H thanh toán công sức cho bà Ph 250.000.000đ.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm là bà H đã nộp và không yêu cầu các đương sự khác phải thanh toán lại cho bà theo quy định của pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét là phù hợp.

[5]. Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí đối với kỉ phần được chia. Đối với ông Q là người bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên ông Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Đối với phần công sức giữ gìn, tôn tạo tài sản thừa kế mà bà Ph được hưởng do đây là vụ án chia thừa kế theo di chúc nên bà Ph không phải là người được hưởng thừa kế theo di chúc nên bà Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần công sức được hưởng.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị đơn bà Hoàng Thị Ph không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 646, 648, 649, 652, 653, 657, 658 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 46, 53, 57, 58, 59, 644 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật công chứng năm 2006; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Hoàng Thị Ph;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 16/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo di chúc của bà Lê Thị H. Công nhận một phần di chúc do cụ Trần Thị G lập ngày 19/3/2012 tại Văn phòng công chứng R (nay là Văn phòng công chứng L), tỉnh Bình Dương, chia cho bà Lê Thị H được hưởng 180,27m^2 và toàn bộ cây cối lâm lộc trên thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc được xác định giới hạn bởi các mốc giới 1,2,3,4,12,13,1.

2. Chia cho ông Hoàng Văn Q (do bà Lê Thị H là người giám hộ) được hưởng 90,13m^2 đất trong thửa số 94 tờ bản đồ số 51, tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc và giao cho bà H là người giám hộ của ông Q quản lý phần diện tích đất trên được xác định giới hạn bởi các mốc giới 4,5,6,7,8,9,10,11,12,4

(Kèm theo bản án là sơ đồ hiện trạng thửa đất)

3. Buộc bà Hoàng Thị Ph phải trả lại cho bà Lê Thị H và ông Hoàng Văn Q (do bà H là người giám hộ) thửa đất số 94, tờ bản đồ số 51, diện tích 270.4m^2 tại khu hành chính 13, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 032241 do UBND thành phố Vĩnh Yên cấp ngày 12/12/2011 mang tên cụ Trần Thị G.

Bà Lê Thị H được liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

4.Bà Lê Thị H có trách nhiệm thanh toán công sức trong việc duy trì tài sản thừa kế của cụ Trần Thị G cho bà Hoàng Thị Ph là 250.000.000đ *(Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

5.1.Án phí dân sự sơ thẩm

-Bà Lê Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 49.856.700đ được khấu trừ số tiền bà H đã nộp tiền tạm ứng áp phí, lệ phí toà án là 200.000đ theo biên lai thu số AA/2014/000159 ngày 07/7/2015 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên. Bà H còn phải nộp số tiền còn thiếu là 49.656.700đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm đồng). Ông Hoàng Văn Q do bà Lê Thị H là người giám hộ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hoàng Thị Ph không phải chịu. Trả lại bà Hoàng Thị Ph số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên theo biên lai thu số 0004730 ngày 17/11/2022

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thị Bích Ngọc